

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 6 - 2025

“V/v: Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thêm, ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Linh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà: Ông Phan Ba Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Chị Lương Thị X, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk.

Anh D và chị X đều vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Ngọc D, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc D và chị Lương Thị X là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 18/4/2022, việc kết hôn là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Ngày 11/4/2023, chị X bỏ nhà đi từ đó đến nay. Anh D đã nhiều lần liên lạc cho chị X quay về nhưng bà X không chịu về chung sống.

Anh D và chị X đã không còn quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. Anh D nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn với chị X.

Về con chung: anh D và chị X có con chung Phạm Ngọc Nhã U, sinh ngày 11/4/2022, hiện đang sống cùng với anh D. Khi ly hôn, anh D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng. Anh D hiện đang làm nghề cơ khí tại địa phương, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên anh D có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lương Thị X trình bày:*

Chị X cùng ý kiến với anh D về nội dung anh D đã trình bày nêu trên. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã dẫn đến không thể chung sống cùng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng là thực tế và đã trầm trọng nên chị X đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh D. Về con chung: Chị X đồng ý giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

* Về nợ chung, tài sản chung chị X và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn. Giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con” giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. HĐXX cần áp dụng Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Mặc dù các đương sự đều có chung ý kiến thống nhất với nhau về các vấn đề giải quyết trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự thì mâu thuẫn vợ chồng là thực tế, nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau từ năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Nguyên đơn và bị đơn có con chung là Phạm Ngọc Nhã U, sinh ngày 11/4/2022. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm trực tiếp nuôi con, bị đơn có khả năng lao động đáp ứng việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con sau khi vợ chồng ly hôn. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Phạm Ngọc Nhã U, sinh ngày 11/4/2022 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, các Điều 227, 228, 238, 244, 266 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên anh Phạm Ngọc D, xử cho anh Phạm Ngọc D ly hôn với chị Lương Thị X

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc Nhã U, sinh ngày 11/4/2022 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Ngọc D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0008891 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Anh D đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- UBND xã Krông Búk;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hải